

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (2016-2024)

TS HOÀNG XUÂN SƠN

*Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*

Ngày nhận:

26-5-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

21-7-2025

Ngày duyệt đăng:

10-8-2025

**Tóm tắt:** Phát triển bền vững là xu thế tất yếu của thế giới cũng như Việt Nam. Để phát huy được thế mạnh của các vùng, Đảng đã chủ trương phát triển bền vững các vùng kinh tế, trong đó có vùng kinh tế Đông Nam Bộ. Đông Nam Bộ là vùng kinh tế năng động, sáng tạo, đi đầu trong đổi mới và phát triển, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, thu ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm của cả nước. Trong đó, đóng góp nhiều nhất cho phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ là khu vực doanh nghiệp đang hoạt động trong vùng. Bài viết tập trung phân tích các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển bền vững và một số kết quả chủ yếu về phát triển bền vững doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2016-2024.

**Từ khóa:**

Chủ trương của Đảng; chính sách của Nhà nước; phát triển bền vững; Đông Nam Bộ; doanh nghiệp

## 1. Chủ trương của Đảng

Thuật ngữ “phát triển bền vững” được sử dụng lần đầu tiên bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế (IUCN): “sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học”. Đến năm 1987, Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên Hợp quốc đã đưa ra định nghĩa về phát triển bền vững “là sự phát

triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau”.

Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002 đã xác định: “phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất

là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên)". Tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững là: sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

Ở Việt Nam, quan điểm phát triển bền vững đã được khẳng định trong Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25-6-1998 của Bộ Chính trị "Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", trong đó nhấn mạnh: "Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"<sup>1</sup>.

Đại hội XII (2016) của Đảng có bước phát triển mới trong nhận thức và tư tưởng về phát triển bền vững với nội dung cốt lõi: "phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên Hợp quốc); giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân"<sup>2</sup>. Đại hội chủ trương: "phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển

văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu"<sup>3</sup>. Về phát triển bền vững doanh nghiệp, Đại hội xác định: "Trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cần phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước, đồng thời, kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực"<sup>4</sup> và "tạo môi trường thuận lợi phát triển doanh nghiệp"<sup>5</sup>.

Đại hội XIII (2021) của Đảng nhận định: "Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn"<sup>6</sup>. Đảng chủ trương: "Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền"<sup>7</sup>. Đối với vùng kinh tế Đông Nam Bộ, Đại hội XIII của Đảng xác định: "là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao". Đại hội chủ trương phát triển bền vững vùng kinh tế Đông Nam Bộ theo hướng: "Tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đi đầu trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, xây dựng kinh tế số, xã hội số; sản xuất các thiết bị điện, điện tử, công nghiệp chế biến, chế tạo; tài chính ngân hàng, bất động sản..."<sup>8</sup>. Đại hội xác định: "Phấn đấu đến năm 2025 có khoảng 1,5 triệu doanh nghiệp hoạt động"<sup>9</sup>, "đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp"<sup>10</sup> và "tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo

đạt 40%”<sup>11</sup>. Đại hội chủ trương: “Hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn trong nước, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế gắn với xây dựng thương hiệu doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển các định chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; hỗ trợ chuyển đổi hộ sản xuất, kinh doanh thành doanh nghiệp. Điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, mang tầm quốc gia và thể hiện tính liên ngành, liên vùng; xây dựng chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam”<sup>12</sup> và “khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”<sup>13</sup>.

Cụ thể hóa chủ trương Đại hội XIII của Đảng, ngày 7-10-2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW “Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Nghị quyết chủ trương: “Xây dựng Đông Nam Bộ trở thành vùng văn minh, hiện đại, hội nhập quốc tế. Phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa các tiểu vùng, các địa phương trong vùng; các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nâng cao sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đặc biệt là người có thu nhập thấp”<sup>14</sup>.

Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17-8-2004, về “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam”; Quyết định số 1032/QĐ-TTg, tháng 9-2005, “Về việc thành

lập Hội đồng Phát triển bền vững quốc gia”; Quyết định số 432/2012/QĐ-TTg, ngày 12-4-2012, “phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020”; Quyết định số 160/2013/QĐ-TTg, ngày 15-1-2013, ban hành “Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển bền vững giai đoạn 2013 - 2015”; Quyết định số 622/QĐ-TTg, ngày 10-5-2017, “Về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”; Nghị quyết số 136/NQ-CP, ngày 25-9-2020, “Về phát triển bền vững”. Nghị quyết số 136/NQ-CP, xác định: “Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển; xây dựng một xã hội Việt Nam hoà bình, thịnh vượng, bao trùm, công bằng, dân chủ, văn minh và bền vững”<sup>15</sup>. Trên cơ sở đó, Nghị quyết đã xác định 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển bền vững vùng, vùng Đông Nam Bộ đã đạt được nhiều kết quả tích cực, trong đó đóng góp nhiều nhất cho phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của vùng là khu vực doanh nghiệp đang hoạt động trong vùng.

## 2. Một số kết quả

Thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển bền vững, giai đoạn 2016-2024, doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ đã đóng góp được những kết quả tích cực vào quá trình phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng cơ bản như sau:

*Thứ nhất, số lượng doanh nghiệp thành lập mới và hoạt động tại vùng Đông Nam Bộ có xu hướng tăng dần và lớn nhất so với các vùng kinh tế khác của cả nước*

Số lượng doanh nghiệp thành lập mới giai đoạn 2016-2023 tăng dần qua mỗi năm và luôn đứng đầu về số lượng doanh nghiệp thành lập mới so với các vùng kinh tế còn lại của cả nước. Riêng năm 2020-2021 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm. Cụ thể: năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong vùng Đông Nam Bộ là 47.108 doanh nghiệp, vùng đồng bằng sông Hồng là 33.453 doanh nghiệp, vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 4.193 doanh nghiệp, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 14.825 doanh nghiệp, vùng đồng bằng sông Cửu Long là 7.890 doanh nghiệp, vùng Tây Nguyên chỉ với 2.631 doanh nghiệp; năm 2020, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong vùng Đông Nam Bộ là 55.850 doanh nghiệp, vùng Đồng bằng sông Hồng là 39.723 doanh nghiệp, vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 5.532 doanh nghiệp, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 18.626 doanh nghiệp, vùng đồng bằng sông Cửu Long 10.360 doanh nghiệp, vùng Tây Nguyên chỉ với 4.849 doanh nghiệp; năm 2023, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong vùng Đông Nam Bộ 67.980 doanh nghiệp, vùng Đồng bằng sông Hồng là 49.377 doanh nghiệp, vùng Trung du và miền núi phía Bắc 7.880 doanh nghiệp, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 18.690 doanh nghiệp, vùng Đồng bằng sông Cửu Long 11.381 doanh nghiệp, vùng Tây Nguyên chỉ với 3.986 doanh nghiệp<sup>16</sup>. Như vậy đến năm 2023, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới vùng Đông Nam Bộ cao hơn vùng đứng thứ 2

là vùng Đồng bằng sông Hồng khoảng 1,4 lần và chiếm 42,68% số lượng doanh nghiệp thành lập mới của cả nước. Trong vùng Đông Nam Bộ, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới nhiều nhất là TP. Hồ Chí Minh và thấp nhất là tỉnh Tây Ninh. Cụ thể: năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới của TP. Hồ Chí Minh là 36.442 doanh nghiệp, Tây Ninh 580 doanh nghiệp; năm 2023, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới của TP. Hồ Chí Minh là 53.300, tỉnh Tây Ninh 831<sup>17</sup>. Như vậy, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới ở TP. Hồ Chí Minh luôn chiếm khoảng 77% số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong vùng Đông Nam Bộ.

Về số lượng doanh nghiệp đang hoạt động giai đoạn 2017-2023 cũng có xu hướng tăng dần qua mỗi năm và luôn đứng đầu về số lượng so với các vùng kinh tế còn lại của cả nước. Cụ thể: năm 2017, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động vùng Đông Nam Bộ là 263.426 doanh nghiệp, vùng đồng bằng sông Hồng là 207.376 doanh nghiệp, vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 28.302 doanh nghiệp, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 88.222 doanh nghiệp, vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 49.774 và vùng Tây Nguyên chỉ với 17.533 doanh nghiệp; năm 2023, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động vùng Đông Nam Bộ là 367.471, vùng Đồng bằng sông Hồng là 295.391, vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 42.350, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 121.698, vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 68.201 và vùng Tây Nguyên 26.261 doanh nghiệp<sup>18</sup>. Như vậy đến năm 2023, số doanh nghiệp đang hoạt động vùng Đông Nam Bộ cao hơn vùng đứng thứ 2 là vùng Đồng bằng sông Hồng khoảng 1,3 lần và chiếm 39,88% số lượng doanh nghiệp đang

hoạt động của cả nước. Trong vùng Đông Nam Bộ, số doanh nghiệp đang hoạt động nhiều nhất là TP. Hồ Chí Minh và thấp nhất là tỉnh Tây Ninh. Cụ thể: năm 2017, số doanh nghiệp đang hoạt động của TP. Hồ Chí Minh là 204.918 DN, tỉnh Tây Ninh là 3.665; năm 2023, số doanh nghiệp đang hoạt động của TP. Hồ Chí Minh là 273.071, Tây Ninh là 5.142<sup>19</sup>. Như vậy, số doanh nghiệp đang hoạt động ở TP. Hồ Chí Minh luôn chiếm khoảng 75% số lượng trong vùng Đông Nam Bộ.

*Thứ hai, doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ thu hút nguồn vốn tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh tăng dần qua các năm và luôn đứng tốp đầu của cả nước*

Vốn sản xuất kinh doanh bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2016-2022 của các doanh nghiệp đang hoạt động vùng Đông Nam Bộ có xu hướng tăng dần. Cụ thể: năm 2016, vốn sản xuất kinh doanh của khu vực này ở vùng Đông Nam Bộ là 8.039.912 tỷ đồng, chiếm 30,86% nguồn vốn được huy động của khu vực doanh nghiệp cả nước; vùng Đồng bằng sông Hồng là 7.862.391 tỷ đồng, chiếm 30,73%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 798.735 tỷ đồng, chiếm 3,62%; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 1.755.537 tỷ đồng, chiếm 7,54%; vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 994.658 tỷ đồng, chiếm 4,61% và vùng Tây Nguyên là 276.399 tỷ đồng, chiếm 1,06%<sup>20</sup>; năm 2022, vốn sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ là 15.609.092 tỷ đồng, chiếm 27,81% nguồn vốn được huy động của khu vực doanh nghiệp cả nước; vùng Đồng bằng sông Hồng là 17.247.918 tỷ đồng, chiếm 30,73%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 2.034.226 tỷ đồng, chiếm 3,62%; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 4.229.492 tỷ đồng, chiếm 7,54%; vùng Đồng bằng sông

Cửu Long là 2.587.618 tỷ đồng, chiếm 4,61% và vùng Tây Nguyên là 644.025 tỷ đồng, chiếm 1,15%<sup>21</sup>. Như vậy, năm 2022, khu vực doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ chỉ xếp sau vùng Đồng bằng sông Hồng về thu hút nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh với tỷ lệ không nhiều (2,92%), có xu hướng tăng dần qua các năm. Đây là những tiền đề quan trọng để khu vực doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ tiếp tục bứt phá phát triển bền vững. Trong vùng Đông Nam Bộ, vốn sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp nhiều nhất là TP. Hồ Chí Minh và thấp nhất là tỉnh Bình Phước. Cụ thể: năm 2016, vốn sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh là 5.608.332 tỷ đồng, tỉnh Bình Phước là 79.908 tỷ đồng; năm 2022, vốn sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh là 10.663.667 tỷ đồng, Bình Phước là 281.907 tỷ đồng<sup>22</sup>. Như vậy, vốn sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh luôn chiếm khoảng 68% nguồn vốn sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp trong vùng Đông Nam Bộ.

*Thứ ba, số lượng doanh nghiệp có quy mô lớn về vốn và quy mô lớn về lao động vùng Đông Nam Bộ luôn chiếm tỉ lệ lớn nhất cả nước*

Về quy mô vốn, năm 2022, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh với quy mô vốn từ 200 tỷ đồng trở lên của vùng Đông Nam Bộ là 8.174, chiếm 38,61% doanh nghiệp quy mô vốn lớn của cả nước; vùng Đồng bằng sông Hồng là 7.503 doanh nghiệp, chiếm 35,45%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 1.117 doanh nghiệp, chiếm 5,28%; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 2.191 doanh nghiệp, chiếm 10,35%; vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 1.672 doanh nghiệp, chiếm 7,90% và vùng Tây Nguyên là 389 doanh nghiệp, chiếm

1,84%<sup>23</sup>. Trong vùng Đông Nam Bộ, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh với quy mô vốn từ 200 tỷ đồng trở lên nhiều nhất là TP. Hồ Chí Minh với 5.121 doanh nghiệp, chiếm 62,65% của vùng và thấp nhất là tỉnh Bình Phước với 214 DN, chiếm 2,62%<sup>24</sup>.

Về quy mô lao động, năm 2022, số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh với quy mô lao động trên 1.000 người của vùng Đông Nam Bộ là 658 doanh nghiệp, chiếm 36,66% doanh nghiệp quy mô lao động lớn của cả nước; vùng Đồng bằng sông Hồng là 616 doanh nghiệp, chiếm 34,32%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 115 doanh nghiệp, chiếm 6,41%; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 171 doanh nghiệp, chiếm 9,53%; vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 164 doanh nghiệp, chiếm 9,14% và vùng Tây Nguyên là 16 doanh nghiệp, chiếm 0,89%<sup>25</sup>. Trong vùng Đông Nam Bộ, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh với quy mô lao động từ 1.000 tỷ đồng trở lên nhiều nhất là TP. Hồ Chí Minh với 276 doanh nghiệp, chiếm 41,95% doanh nghiệp quy mô lao động lớn của vùng và thấp nhất là tỉnh Bình Phước với 19 doanh nghiệp, chiếm 2,89%<sup>26</sup>.

Ngoài ra, năm 2024, trong số 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, vùng Đông Nam Bộ có tới 228 doanh nghiệp, chiếm 45,6% số doanh nghiệp lớn nhất của cả nước<sup>27</sup>. Như vậy, doanh nghiệp lớn (cả về quy mô vốn và quy mô lao động) luôn tập trung nhiều nhất trong vùng Đông Nam Bộ, nên muốn phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ cần có những chính sách phù hợp để tiếp tục nuôi dưỡng, tạo điều kiện cho những doanh nghiệp lớn trong vùng phát triển bền vững.

*Thứ tư, doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ có đóng góp lớn trong giải quyết vấn đề lao động và việc làm, thu nhập của người lao động trong vùng*

Về giải quyết vấn đề lao động và việc làm, trong giai đoạn 2016-2022, tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh của vùng Đông Nam Bộ có xu hướng tăng dần và luôn đứng đầu so với các vùng khác trong cả nước. Tuy nhiên, do đại dịch COVID-19 nên năm 2020-2021 tổng số lao động trong các doanh nghiệp giảm. Cụ thể: năm 2016, tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh vùng Đông Nam Bộ là 5.304.055 lao động, vùng Đồng bằng sông Hồng là 4.565.748 lao động, vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 818.712 lao động, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 1.640.828 lao động, vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 1.101.755 lao động và vùng Tây Nguyên là 240.520 lao động; năm 2022, tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh vùng Đông Nam Bộ là 5.339.210 lao động, vùng Đồng bằng sông Hồng là 5.210.612 lao động, vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 1.002.115 lao động, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 1.831.015 lao động, vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 1.279.491 lao động và vùng Tây Nguyên là 230.108 lao động. Trong vùng Đông Nam Bộ, tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh nhiều nhất là TP. Hồ Chí Minh, tương ứng là 2.932.531 lao động; thấp nhất là tỉnh Bình Phước, tương ứng là 118.058 lao động<sup>28</sup>.

Mặt khác, khi so sánh tổng số việc làm được tạo ra giữa khu vực doanh nghiệp với các khu vực kinh tế khác trong vùng Đông Nam Bộ thì tổng số việc làm được tạo ra bởi khu

vực doanh nghiệp đang hoạt động luôn chiếm trên 50% toàn vùng. Cụ thể: năm 2016, tổng số lao động của toàn vùng là 9.514 nghìn lao động thì trong khu vực doanh nghiệp là 5.304 nghìn lao động, chiếm 55,57%; năm 2022, tổng số lao động của toàn vùng là 10.162,5 nghìn lao động thì trong khu vực doanh nghiệp là 5.339,2 nghìn lao động, chiếm 52,54% lao động của toàn vùng<sup>29</sup>. Như vậy, về giải quyết vấn đề lao động và việc làm trong vùng Đông Nam Bộ, khu vực doanh nghiệp luôn đóng góp nhiều nhất, vì vậy khi phát triển bền vững vùng phải gắn liền với phát triển bền vững khu vực doanh nghiệp trong vùng.

Về thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động giai đoạn 2016-2022 của vùng Đông Nam Bộ có xu hướng chung tăng dần qua các năm và luôn đứng đầu so với các vùng khác và trung bình của cả nước. Cụ thể: năm 2016, thu nhập bình quân/tháng của người lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động trong vùng Đông Nam Bộ là 8.255.000 đồng, cả nước là 7.514.000 đồng, vùng Đồng bằng sông Hồng là 7.281.000 đồng, trung du và miền núi phía Bắc là 6.799.000 đồng, Đồng bằng sông Cửu Long là 5.843.000 đồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 5.521.000 đồng và Tây Nguyên là 5.159.000 đồng; năm 2022, thu nhập bình quân/tháng của người lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động trong vùng Đông Nam Bộ là 12.749.000 đồng, trong khi cả nước là 11.499.000 đồng, vùng Đồng bằng sông Hồng là 11.521.000 đồng, Trung du và miền núi phía Bắc là 9.530.000 đồng, Đồng bằng sông Cửu Long là 8.493.000 đồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 8.385.000 đồng và Tây Nguyên là 8.326.000 đồng<sup>30</sup>.

Những kết quả phát triển doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2016-2024 đã đóng góp

hiệu quả vào những tiêu chí phát triển bền vững; khẳng định chủ trương của Đảng về phát triển bền vững nói chung và phát triển bền vững vùng kinh tế Đông Nam Bộ nói riêng là hướng đi đúng đắn nhằm phát huy tối đa các lợi thế của vùng kinh tế này, trong đó có khu vực doanh nghiệp.

1. Bộ Chính trị: *Chi thị số 36/1998/CT-TW, ngày 25-6-1998 “Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Chi-thi-36-1998-CT-TW-tang-cuong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-thoi-ky-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc-47395.aspx>

2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 87, 270, 108, 290

6, 7, 8, 10, 11, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. 1, tr. 207, 214, 256, 240, 229, 134

9, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. 2, tr. 126, 126

14. Bộ Chính trị: *Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 7-10-2022 “về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-24-NQ-TW-2022-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-dam-bao-quoc-phong-vung-Dong-Nam-Bo-532754.aspx>

15. Chính phủ: *Nghị quyết số 136/NQ-CP, ngày 25-9-2020 của Chính phủ “về phát triển bền vững”*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-quyet-136-NQ-CP-2020-phat-trien-ben-vung-453913.aspx>

16, 17, 18, 19, 22, 28, 30. Trang Thông tin điện tử Cục Thống kê (<https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0502&theme=Doanh%20nghi%E1%BB%87p>)

20, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 29. Tổng hợp và tính toán của tác giả từ số liệu của Cục Thống kê (<https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0517&theme=Doanh%20nghi%E1%BB%87p>).